

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/ MÔ ĐUN

Lớp: TPL23B1KH Năm học: 23-24
Mã MH/MĐ: MH02073 Học kỳ: 02
Tên MH/MĐ: Giáo dục QP - An ninh
Số TC: 2

STT	MSHS	Họ tên		Ngày sinh	Hệ số 1			Hệ số 2				Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
1	2353801015277	Nguyễn Trung	An	19/05/1987			9	9.0	9.0			9.0		9.0
2	2353801015278	Huỳnh Văn	Chiến	10/07/1977			8	9.0	9.0			8.0		8.3
3	2353801015279	Nguyễn Bé	Dư	04/05/1982			8	9.0	9.0			8.0		8.3
4	2353801015280	Lê Thanh	Dũng	01/01/1965			9	8.0	9.0			8.0		8.2
5	2353801015281	Huỳnh Văn	Đèo	18/03/1988			9	9.0	10.0			10.0		9.8
6	2353801015282	Nguyễn Tạ Trúc	Giang	19/09/1982			9	9.0	9.0			9.0		9.0
7	2353801015283	Nguyễn Thị	Giang	21/06/1990			8	10.0	7.0			10.0		9.4
8	2353801015284	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	01/11/1985			8	7.0	10.0			10.0		9.4
9	2353801015285	Lê Minh	Hiền	20/02/2001			8	7.0	9.0			8.0		8.0
10	2353801015286	Nguyễn Văn	Hiền	06/12/1983			9	9.0	9.0			9.0		9.0
11	2353801015287	Thái Xuân	Hoàng	02/09/1988			9	10.0	10.0			10.0		9.9
12	2353801015289	Huỳnh Quốc	Huy	18/10/1993			9	9.0	9.0			9.0		9.0
13	2353801015290	Nguyễn Hoàng	Khanh	01/12/1982			8	10.0	9.0			10.0		9.7
14	2353801015291	Nguyễn Thị Diễm	Kiều	14/03/1985			9	9.0	9.0			10.0		9.6
15	2353801015292	Phạm Thị Mỹ	Lệ	04/05/1983			8	10.0	9.0			10.0		9.7
16	2353801015293	Ngô Văn	Nấm	19/11/1975			9	8.0	9.0			8.0		8.2
17	2353801015294	Trịnh Thị Kim	Ngân	15/11/1993			9	9.0	9.0			10.0		9.6
18	2353801015295	Trần Văn	Nghé	19/05/1985			9	10.0	9.0			9.0		9.2
19	2353801015296	Huỳnh Văn	Nghĩa	08/05/1974			8	8.0	10.0			9.0		8.9
20	2353801015297	Nguyễn Đức	Nhã	20/05/1974			9	10.0	9.0			9.0		9.2
21	2353801015298	Lê Thành	Nhân	10/05/1988			8	9.0	10.0			10.0		9.7
22	2353801015368	Lê Thị Ngọc	Thảo	12/08/1987			8	9.0	9.0			9.0		8.9
23	2353801015375	Nguyễn Minh	Thuận	19/09/2003			9	7.0	9.0			10.0		9.3

Châu Đốc, ngày 16 tháng 9 năm 2024

TP. Đào tạo Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng Nguyễn Văn Chiến